TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **03**/2018/DS-ST
Ngày 24/01/2018
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Vũ Ngọc Côn.

2. Ông: Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đức B1** - Sinh năm 1977.*

- Địa chỉ: Thôn C1 - xã K - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh **Lâm Văn N** - Sinh năm 1976.*

- Địa chỉ: Thôn C2 - xã K - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.*

*1. Chị **Nguyễn Thị B2** - Sinh năm 1977.*

- Địa chỉ: Thôn C2 - xã K - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

*2. Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1977.*

- Địa chỉ: Thôn C1 - xã K - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.

Anh B1, chị H có mặt, anh N có mặt, chị B2 vắng mặt ủy quyền cho anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2017, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn anh Nguyễn Đức B1, bị đơn anh Lâm Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị B2 thì nội dung vụ án như sau:

Giữa anh Nguyễn Đức B1 và anh Lâm Văn N có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Vào tháng 12 năm 2013 do cần tiền để làm ăn và trả nợ Ngân hàng nên anh Lâm Văn N đã đã đặt vấn đề vay tiền của anh B1 và vợ là chị H. Do là chỗ quan biết và có một khoản tiền tiết kiệm chưa dùng đến nên anh B1 chị H đã đồng ý cho anh N vay tiền cụ thể các lần như sau: Lần 1 vào ngày 23/12/2013 anh N vay của anh B1 số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) hẹn đến ngày 05/01/2014 anh N trả, tuy nhiên đến hạn anh N chưa trả tiền được anh B1 mà vay tiếp anh B1 số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bẩy mươi triệu đồng chẵn) vào ngày 05/01/2017 và hẹn đến ngày 15/01/2014 trả toàn bộ số tiền trên. Cả hai lần vay tiền trên đều do trực tiếp anh N đến nhà anh B1 nhận tiền, hai bên có làm giấy vay nợ và ký kết, vợ anh B1 là chị H có được cùng anh B1 cho anh N vay tiền bằng số tiền của gia đình. Tuy nhiên để thuận lợi lúc làm giấy vay nợ chị để anh B1 đứng ra là người cho vay chị ký là người làm chứng. Khi cho vay tiền cả hai lần trên hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng thống nhất không nghi vào giấy vay nợ. Tổng hai lần anh N vay của anh B1 chị H số tiền là 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng). Khi đến hạn thanh toán như đã thỏa thuận ngày 05/01/2014 và ngày 15/01/2014 thì anh N không thực hiện được việc trả tiền như đã thỏa thuận. Vợ chồng anh B1 chị H có đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng anh N vẫn không trả được nợ vì lý do kinh tế gia đình khó khăn. Đến cuối năm 2016 anh N có trả được cho anh B1 chị H sô tiền 10.000.000 đồng tiền gốc, đến đầu năm 2017 trả được cho anh B1 chị H tiếp 10.000.000 đồng tiền gốc nữa. Hiện tại anh N còn nợ lại anh B1 chị H số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc chưa trả. Nay anh B1 chị H đề nghị anh N và vợ là chị Nguyễn Thị B2 phải trả cho anh chị 290.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi tính từ năm 2015 đến nay. Anh B1 chị H đề nghị anh N phải trả cho anh chị số tiền trên ngay.

Anh N xác nhận có vay tiền của anh B1 chị H với 02 lần là 310.000.000 đồng đúng như anh B1 chị H trình bày. Anh đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc. Nay anh đồng ý theo đơn khởi kiện của anh B1 đồng ý trả cho anh B1 chị H 290.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi tính từ năm 2015 đến nay.

Tuy nhiên Do điều kiện kinh tế khó khăn anh chưa trả ngay cho anh B1 chị H được, anh xin khất nợ trả dần. Chị Nguyễn Thị B2 xác nhận việc vay nợ anh B1 như thế nào của chồng chị anh Lâm Văn N chị không được biết, chỉ đến khi anh B1 chị H đến nhà chị đòi nợ chị mới biết. Chị có khất nợ với anh B1 chị H. Tuy nhiên đến này anh B1 chị H khởi kiện anh N đòi số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi tính từ năm 2015 đến nay chị cùng đồng ý cùng chồng chị là anh Lâm Văn N trả nợ cho anh B1 chị H.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Đức B1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Anh B1 và vợ là chị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh N, chị B2 phải trả cho anh chị ngay số tiền 290.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi. Anh N đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh B1, đồng ý trả cho anh B1 chị H 290.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi nhưng anh xin trả dần, không trả ngày được. Anh nhận sự quyền của vợ anh là chị B2 và cùng đồng ý trả dần số tiền gốc 290.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi. Các đương sự thống nhất được về số nợ gốc, nợ lãi nhưng không thống nhất được về thời gian trả nợ.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án.

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, tại phiên Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tộ tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức B1.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26; Điều 35;Điều 39; Điều 147, Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Lâm Văn N, chị Nguyễn Thị B2 phải trả cho anh Nguyễn Đức B1 và chị Nguyễn Thị H số tiền 320.000.000 đồng bao gồm tiền gốc lãi.

Anh Lâm Văn N, chị Nguyễn Thị B2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Đức B1 khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết về quan hệ vay nợ với anh Lâm Văn N. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn là anh B1, anh N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H có mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị B2 vắng mặt, tuy nhiên chị B2 ủy quyền cho anh N thay mặt chị tham gia giải quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay. Anh N chấp nhận sự ủy quyền của chị B2. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của vợ chồng anh B1: Hội đồng xét xử xét thấy việc thoả thuận vay tiền giữa anh Lâm Văn N và vợ chồng anh Nguyễn Đức B1 là đúng sự thật. Vì hai bên có làm giấy tờ vay tiền và ký nhận nợ, có quy định thời hạn trả nợ. Trong quá trình làm việc tại Toà án và tại phiên toà hôm nay, anh Lâm Văn N đều thừa nhận có vay tiền của anh B1, chị H. Chị Nguyễn Thị B2 là vợ anh N tuy không được vay tiền cùng anh N nhưng khi biết chị cũng đồng ý cùng anh N trả số tiền gốc là 290.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi cho anh B1 chị H. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh B1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Nguyễn Đức B1 và chị Nguyễn Thị H yêu cầu vợ chồng anh Lâm Văn N phải trả tiền lãi là 30 triệu đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về số tiền lãi theo đó anh N đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của anh B1 chị H. Viêc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và cũng không vượt quá 20%/năm theo đúng quy định của khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất được thời hạn trả nợ. Vì thế yêu cầu tính lãi của anh B1, chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì vậy cần buộc vợ chồng anh N chị B2 phải trả cho vợ chồng anh B1 chị H số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 320.000.000 đồng là phù hợp với Điều 305; Điều 471; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Yêu cầu đòi nợ của anh B1 được chấp nhận do vậy anh N, chị B2 phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này.

**** Vì các lẽ trên:***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ các Điều 26; Điều 35;Điều 39; Điều 147, Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án. Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức B1. Buộc vợ chồng anh Lâm Văn N, chị Nguyễn Thị B2 phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Đức B1 chị Nguyễn Thị H số tiền gốc là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) Tổng cả gốc và lãi là: 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Lâm Văn N và chị Nguyễn Thị B2 phải chịu 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh N, chị B2 chưa nộp án phí. Hoàn trả anh Nguyễn Đức B1 số tiền 8.000.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

AA/2016/0003149 ngày 23/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

- Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hùng